

Số: 1453/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1182/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Vũ Phúc T, Địa chỉ: 204/4 T, khu phố B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị Kim P; Địa chỉ: 2 T, khu phố B, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Vũ Phúc T và bà Phạm Thị Kim P được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 do Ủy ban nhân dân phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2020.

[2] Theo Theo đơn yêu cầu ngày 13/11/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/12/2025, ông Nguyễn Vũ Phúc T và bà Phạm Thị Kim P yêu cầu thuận tình ly hôn; về con chung: Có 02 con chung, gồm: Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/8/2020, Nguyễn Hoàng Nam P2, sinh ngày 26/10/2024. Hai bên thống nhất giao hai con chung cho bà Phạm Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Vũ Phúc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 14.000.000 đồng/tháng/trẻ, cấp dưỡng lần lượt cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bắt đầu thi hành từ 15/12/2025. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Nguyễn

Vũ Phúc T và bà Phạm Thị Kim P thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng cho con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự không thay đổi ý kiến.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Vũ Phúc T và bà Phạm Thị Kim P thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09 do Ủy ban nhân dân phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/02/2020 hết hiệu lực.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cho bà Phạm Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 03/8/2020; Nguyễn Hoàng Nam P2; sinh ngày 26/10/2024. Ông Nguyễn Vũ Phúc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 14.000.000 đồng/tháng/trẻ, đến khi con đủ 18 tuổi. Bắt đầu thi hành từ ngày 15/12/2025.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Vũ Phúc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời phải tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Vũ Phúc T và bà Phạm Thị Kim P phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai số 0041303 ngày 24/11/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố H. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Linh